

# Đông Hồ - Nhà thơ, nhà nghiên cứu văn học



42 năm ngày mất Đông Hồ

Đông Hồ (1906 – 1969) là một tác gia lớn ở miền Nam, đã làm thơ từ những năm 20 cho đến những năm 60 của thế kỷ 20. Ở Nam kỳ, nói đến thơ người ta nghĩ đến Đông Hồ, cũng như nói đến tiểu thuyết người ta nghĩ ngay đến Hồ Biểu Chánh (1885 – 1958). Không chỉ sáng tác thơ, Đông Hồ còn viết văn xuôi và nghiên cứu văn học. Ngoài ra ông lại là nhà thư pháp chữ quốc ngữ và là nhà giáo. Ông từng làm giáo học, từng lập Trí Đức học xá để dạy quốc văn và vào cuối đời dạy văn học Hà Tiên ở trường Đại học Văn khoa Sài Gòn. Ở mỗi lĩnh vực, Đông Hồ đều có những điểm đáng nói. Nhân kỷ niệm 95 năm ngày sinh của Đông Hồ, tôi muốn nhìn lại ông như là nhà thơ, nhà nghiên cứu văn học.

Trước hết, về thơ, cũng như các nhà thơ khác trước 1932, Đông Hồ làm thơ Đường luật. Bài lệ ký Linh Phượng khóc vợ của ông đăng trong tạp chí *Nam Phong* số 128 tháng 4 năm 1928, có nhiều bài thơ, đáng kể là bài *Khóc Linh Phượng*:

*Chăn gối cùng nhau những ấm êm  
Bống làm ngọc nát bống châu chìm.  
Đầm đĩa giọt thấm khăn hồng thấm  
Lạnh lẽo đêm xuân giấc mộng tìm  
Hình dạng mơ màng khi thức ngủ  
Tiếng hơi quanh quần nét y xiêm.  
Bảy năm vui khổ nghìn năm biệt  
Sớm gió chiều mưa lắm nỗi niềm.*

Đối với chúng ta ngày nay, những dụng ngữ xưa cũ như chăn gối, ngọc nát, châu chìm, đầm đĩa giọt thấm, khi thức ngủ, nếp y xiêm, sớm gió, chiều mưa làm cho bài thơ có tính sáo mòn và ước lệ. Tuy nhiên, trong lẽ lối ràng buộc của thơ cũ và ở thời điểm sáng tác của nó, bài này có lời thơ lâm ly và trang nhã, làm cảm động lòng người. Nhà văn Thượng Chi đã so sánh *Linh*

*Phượng* ký khóc vợ của Lâm Trác Chi với *Tế thập nhị lang văn* khóc cháu của Hàn Thoái Chi tức Hàn Dũ đời Đường. So sánh như vậy không tương xứng, nên ít ai tán đồng. Thường thì người ta so sánh bài lệ ký Linh Phượng của Đông Hồ với một tác phẩm ra đời xấp xỉ đồng thời là bài văn xuôi pha biền ngẫu *Giọt lệ thu* (viết năm 1923, đăng báo *Nam Phong* số 131 tháng 7 – 1928) khóc chồng của nữ sĩ Tương Phố.

Năm 1932, năm khởi đầu của phong trào thơ mới, ông xuất bản tập *Thơ Đông Hồ*, trong đó có nhiều bài đã đăng ở tạp chí *Nam Phong*. Nói chung, những bài trong tập này vẫn giữ đặc điểm cố hữu là lời trang nhã với chữ sáo và ý cổ. Đông Hồ đã có người bạn đời mới, nhưng bài *Tục huyền cảm tác* của ông vẫn nhuốm màu sắc âm đạm với giọng thơ ai oán như trong *Linh Phượng* ký:

Chim Linh Phượng một bay chẳng lại,  
Nhà độc thê mực vẩy lệ sầu  
Gió mưa hai độ xuân thu,  
Khấp trông non nước toàn màu thê lương.

Thế mới hay con tim nhà thơ vẫn còn chỗ dành cho người vợ cũ vẫn số.

Bài hay nhất trong tập *Thơ Đông Hồ* là *Tuổi xuân*, sau tác giả lại đưa vào tập *Cô gái xuân*. Đây là bài thơ ngũ ngôn tự sự, có cả đối thoại, dài 100 câu, nhiều đoạn rất đặc sắc:

*Này anh: buổi thư nhàn  
Em dạy anh học đàn.  
- Học đàn khó! – Đâu khó!  
- Chỉ đôi tiếng nhật khoan!...”*  
*Khoan nhật đôi đường thơ  
Lay động đôi lòng tơ  
Gây nên khúc Tình ái  
Khúc dứt, lòng ngần ngại  
Buông bắt trên tơ trúc  
Nhìn em năm ngón ngọc  
Năm búp măng nõn nà  
Mãi nhìn, đàn chưa thuộc...*

Có thể nói, *Tuổi xuân* là một bài thơ mới lạc bước vào vườn thơ cũ. Đọc bài này, người ta không thể không liên tưởng đến những bài ngũ ngôn tự sự *Giận nhau*, *Em đương thêu* của Nguyễn Xuân Huy (1).

Sau tập *Thơ Đông Hồ* là *Cô gái xuân* (1935). Tập thơ này tuy vẫn giữ vần điệu trang nhã của thơ cũ, nhưng đã chịu ảnh hưởng nhiều của thơ mới. Bài *Cô gái xuân* có những đoạn cực tả sự hồn nhiên, ngây thơ của một thiếu nữ xuân thì, chẳng hạn:

*Đàn bướm bay qua bãi cỏ xanh,  
Lòng cô phát phối biết bao tình.  
Vội vàng để vờ bên bờ cỏ  
Thoăn thoắt theo liền đàn bướm xinh.  
Áo trắng khăn hồng gió phát phơ,  
Nhẹ nhàng vui vẻ nét ngây thơ.  
Trông cô hớn hờ như đàn bướm  
Thong thả trời xuân mặc nhỡn nhơ.*

Bài *Mua áo* có những câu tả tình yêu một cách bóng bẩy mà táo bạo. Nàng nhờ chàng mua

áo, chàng hỏi kích thước. Nàng trả lời vừa ý nhị vừa âu yếm, không giữ gìn, cũng không e thẹn:

*Ồ hay! Nghe hỏi mà yêu nhỉ!  
Thước tắc anh còn lựa hỏi ai.  
Rộng hẹp, tay anh bồng ẵm đó,  
Ngắn dài, người mới tựa bên vai!*

Một bài khác nữa cũng rất tình tứ là bài *Bốn cái hôn*. Đây là lời một cô gái xuân nói lên cảm giác của nàng về cái hôn của mẹ, của cha, của cô giáo và của người yêu. Trong khung cảnh trăng nước thơ mộng, cái hôn của người yêu khiến cô gái xuân rung động đến tột độ. Cảnh ấy, tình ấy được nói bằng thứ ngôn ngữ tình tự, lãng mạn, có chiều lả lơi mà vẫn trong sáng:

*Nay em đang giữa cảnh đêm xuân,  
Gió trắng tình tứ đêm thanh tân.  
Trước vùng trời biển cảnh lòng lộng,  
Cùng anh trao đổi tình ái ân.  
Khoác tay anh đi trên bãi cát  
Cát bãi trắng soi màu trắng mát.  
Nghiêng đầu lơ lả tựa vai anh,  
Lặng nghe sóng bãi đưa rào rạt.  
Nước mây êm ái bóng trăng sao,  
Say sưa em nhìn lên trời cao,  
Buông khúc đàn lòng theo nhịp gió.  
Giờ phút thần tiên, hồn phiêu dao.  
Một hơi thở mát qua, dịu dàng,  
Như cơn gió biển thoảng bay ngang,  
Rồi luồng điện ấm chạm trên má:  
Ân ái môi anh khẽ nhẹ nhàng.  
Nũng nịu, em ngã vào lòng anh*

Đọc bài này, Hoài Thanh nhận định: “Đông Hồ là người thứ nhất đã đưa vào thi ca Việt Nam cái vị bát ngát của tình yêu dưới trăng thanh, trong tiếng sóng” (2).

Đông Hồ còn tiếp tục sáng tác thơ cho đến những năm cuối cùng của đời ông và vẫn giữ lẽ lối cũ: tứ thơ cổ kính được chuyển tải bằng những lời trang nhã, trau chuốt. Chúng ta thử đọc thêm một đoạn trong bài *Lòng quỳ hoa cúc*, một trong những bài thơ cuối cùng của thi sĩ, làm năm 1968:

*Ngày xuân vắng ánh trời hồng  
Còn đây hoa cúc thay lòng hướng dương  
Mỹ nhân hè thiên nhất phương  
Gặp nhau đây tám nẻo đường chiêm bao  
Mây êm nước lặng nhàn phiêu lãng  
Hoa rụng chim kêu bướm cảm hoài  
Khi biệt dễ dàng khi gặp khó  
Chốn vui ai nhớ chốn sầu ai.*

Ngoài sự nghiệp sáng tác, Đông Hồ còn để lại vài công trình nghiên cứu: *Hà Tiên Mạc thị sử* (Nam Phong 107 tháng 7/1926, số 143 tháng 10/1929), *Văn học miền Nam – Văn học Hà Tiên* (Nhà xuất bản Quỳnh Lâm, Sài Gòn, 1970).

*Hà Tiên Mạc thị sử* là một tập biên khảo lịch sử, địa chí, văn học rất công phu về họ Mạc ở Hà

Tiên, những người đã có công khai phá, mở mang và xây dựng vùng cực nam của đất nước thành một nơi trù phú, văn vật. Mặt khác, tập biên khảo này còn cung cấp cho chúng ta những tài liệu văn học quý báu về nhóm Chiêu Anh Các ở Hà Tiên. Đánh giá công trình này, Lê Chí Dũng viết: “Có thể ghi công cho Đông Hồ về mặt sưu tầm, khảo cứu văn liệu: tập *Hà Tiên Mạc thị sử* nói về nhóm Chiêu Anh Các và thơ của nhóm này giúp người nghiên cứu có tài liệu về văn học buổi sơ khai tận cùng phía Nam đất nước, khẳng định sự thống nhất của văn học và văn hóa dân tộc Việt Nam” (3).

Năm 1970, để tưởng niệm Đông Hồ nhân lễ giỗ đầu của nhà thơ, nữ sĩ Mộng Tuyết đã làm một việc rất có ý nghĩa là tập hợp những bài giảng của Đông Hồ ở trường Đại học Văn khoa Sài Gòn, nơi ông đã ngã xuống trong lúc đang giảng dạy, cho ấn hành thành tập *Văn học miền Nam – Văn học Hà Tiên*. Có thể nói công trình biên khảo này là kết quả của việc tiếp tục nghiên cứu tường tế hơn vấn đề ông đã làm với *Hà Tiên Mạc thị sử* 40 năm trước. Nhan đề là “Văn học miền Nam” nhưng thực ra chỉ là văn học Hà Tiên, và nói cho chính xác thì chỉ là văn học của thi phái Chiêu Anh Các. Phần nghiên cứu tính cách đặc thù của văn học miền Nam, đất nước Hà Tiên, các tác phẩm chữ Hán và chữ Nôm của thi phái Chiêu Anh Các rất công phu. Phần dịch thơ chữ Hán ra văn xuôi sát nghĩa, chú thích thành ngữ, điển tích rõ ràng, những bài dịch thơ lột tả được tình ý nguyên tác, đúng niêm luật, đối rất chỉnh, lời thật đẹp.

Hai công trình sưu tầm, nghiên cứu kể trên là những cống hiến quý báu của Đông Hồ vào việc tìm hiểu lịch sử, đất nước và văn học Hà Tiên buổi đầu mới khai phá, mở mang, đồng thời cũng biểu lộ tình yêu quê hương sâu đậm của tác giả.

Là nhà nghiên cứu, Đông Hồ làm việc cẩn thận, nghiêm túc và hoàn thành được những công trình có giá trị. Nhưng con người nghiên cứu của ông lu mờ bên cạnh con người thơ. Đông Hồ trước sau vẫn là một thi nhân, hay đúng hơn, một thi gia tài hoa, giàu tình cảm, nhất là tình cảm uỷ mị. Ngay cả lúc ông ngã xuống trong một giảng đường đại học, ông cũng đang ngâm dờ một bài thơ. Thơ ông và con người ông là một. Ông trau chuốt lời thơ cũng như ông cẩn thận trong cách ăn mặc. Thơ ông thanh tao, người ông nho nhã và có dáng vẻ một tao nhân mặc khách, dù ông mặc complet hay quốc phục. Một đời làm thơ, Đông Hồ có một vị trí quan trọng, nổi bật trên thi đàn.

## CHÚ THÍCH

1. Hoài Thanh và Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, Nxb. Thiều Quang, Sài Gòn, 1967, tr. 351-353.
2. Hoài Thanh và Hoài Chân, *Thi nhân Việt Nam*, sđd, tr.337.
3. *Từ điển văn học*, Tập I, Nxb. KHXH, Hà Nội, 1983, tr 26.

## Nguyễn Khuê

**Nguồn:** [http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com\\_content&view=article&id=1031:ong-h-nha-th-nha-nghien-cu-vn-hc&catid=63:vn-hc-vit-nam&Itemid=106](http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com_content&view=article&id=1031:ong-h-nha-th-nha-nghien-cu-vn-hc&catid=63:vn-hc-vit-nam&Itemid=106)